TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2025, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc M trình bày:

- Về hôn nhân: Qua quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T lười lao động, không chăm lo làm ăn tạo

lập kinh tế chung của vợ chồng, có tính gia trưởng, thích hưởng thụ, sống phụ thuộc vào cha mẹ. Mỗi lần chị khuyên nhủ thì anh T lớn tiếng cự cãi, sự việc diễn ra trong thời gian dài, dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nên chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2010 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 08/12/2009, hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*" thì các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị M, anh T là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do anh T lười lao động tạo ra thu nhập đóng góp vào

kinh tế chung của vợ chồng, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Cả hai anh chị có thời gian dài sống ly thân từ đầu năm 2010 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối với yêu cầu ly hôn của chị M. Căn cứ vào lời trình bày của chị M và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị M và anh T.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu B đã trên 15 tuổi có nguyện vọng muốn được sống chung với chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối với yêu cầu nuôi con của chị M. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu B. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu B cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị M phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2009 cho chị Huỳnh Thị Ngọc M được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Huỳnh Thị Ngọc M không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc M phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0002235 ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Huỳnh Thị Ngọc M, vắng mặt anh Nguyễn Văn T. Báo cho chị M có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2-Vĩnh Long: 02;
- THADS tỉnh Vĩnh Long (Qua Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long): 01;
- UBND xã H: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.